

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP TRONG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC: PHÂN TÍCH TRẮC LƯỢNG THƯ MỤC TỪ NĂM 1991 ĐẾN NĂM 2024

Đinh Thị Ngân Thương

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng
Email: dtnthuong@ued.udn.vn

Article history

Received: 16/4/2025

Accepted: 26/6/2025

Published: 05/9/2025

Keywords

Assessment, learning
outcomes, higher education,
bibliometric analysis

ABSTRACT

Globalization and the demand for quality in higher education have spurred research on learning outcomes assessment from both theoretical and practical angles. A bibliometric analysis identifies key trends, influential authors, countries, and prominent topics in this field. The study observes a significant rise in publications, notably from authors in the United States, Australia, and the United Kingdom, highlighting a shift towards modern, flexible assessment methods that integrate technology and emphasize competency-based assessment with active learner participation. This research not only offers a comprehensive overview of learning outcomes assessment but also aids in shaping educational policies, enhancing management quality, and improving curriculum design.

1. Mở đầu

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự thay đổi nhanh chóng của thị trường lao động, giáo dục đại học đang phải đối mặt với nhiều thách thức, từ việc đảm bảo chất lượng đến phát triển năng lực sinh viên (SV). Đánh giá kết quả học tập được xác định như một trong những yếu tố cốt lõi, không chỉ để đo lường kết quả giáo dục mà còn để cải tiến phương pháp giảng dạy, thúc đẩy động lực học tập và phát triển tư duy phản biện của SV. Đây được hiểu là quá trình xác định mức độ mà SV đạt được các mục tiêu giáo dục, thông qua các phương pháp và công cụ đánh giá đa dạng.

Trong hơn ba thập kỷ qua, sự gia tăng đáng kể về số lượng công trình nghiên cứu trong lĩnh vực này phản ánh mối quan tâm sâu rộng từ các học giả và nhà quản lý giáo dục. Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra tầm quan trọng của đánh giá trong việc cải thiện chất lượng giảng dạy, nâng cao kỹ năng học tập và phát triển tư duy bậc cao. Boud (2020) đã nhấn mạnh rằng đánh giá trong giáo dục đại học cần đáp ứng nhu cầu phát triển người học và đảm bảo kết quả học tập chất lượng cao thông qua hỗ trợ học tập và xây dựng năng lực để SV đưa ra phán đoán của riêng mình. Fischer và cộng sự (2024) đã chỉ ra rằng đánh giá có thể làm tăng động lực học tập và cải thiện sự tham gia của SV vào quá trình học tập. Nghiên cứu của Van den Berg và cộng sự (2006) nhấn mạnh các phương pháp đánh giá dựa trên sự tương tác của người học hay còn gọi là đánh giá đồng đẳng. Ajjawi và cộng sự (2024) phê bình quan niệm truyền thống về đánh giá xác thực trong giáo dục đại học, vốn thường tập trung vào việc mô phỏng các nhiệm vụ công việc; mà thay vào đó nên tiếp cận với quan niệm rộng hơn trên cả phương diện tâm lý, bản thể luận và các quan điểm lý thuyết thực hành. Bên cạnh đó, đánh giá dựa trên năng lực (Oanh, 2019) và đánh giá năng lực (Zlatkin-Troitschanskaia et al., 2017; Liu et al., 2018) được nhiều quan tâm với những tiếp cận khác nhau liên quan đến đánh giá năng lực công dân, năng lực liên văn hóa, năng lực tư duy, năng lực nghề nghiệp. Đồng thời, nghiên cứu về kết quả học tập được thực hiện trên phương diện cải thiện chất lượng khi đổi mới phương pháp giảng dạy (Lockman et al., 2017), đo lường những thay đổi tích cực khi đổi mới chương trình đào tạo (Steeb et al., 2020) hay những định hướng cần thay đổi trong đánh giá kết quả học tập SV (Boud, 2020), sử dụng thang để đo lường sự thành thạo học tập của SV (Liu, 2008). Đặc biệt, trong bối cảnh chuyển đổi số, nghiên cứu chỉ ra rằng các công cụ đánh giá kỹ thuật số cung cấp cơ hội tốt để thu thập và phân tích dữ liệu học tập, thúc đẩy việc giám sát và điều chỉnh ngay lập tức trong quá trình học (Timmis et al., 2016). Việc áp dụng đánh giá trực tuyến và các hệ thống quản lý học tập đã trở thành xu hướng chủ đạo với nhiều phương pháp tiến hành đa dạng (Wei et al., 2021; Hooda et al., 2022; Grosseck et al., 2024).

Tuy nhiên, vẫn còn thiếu những nghiên cứu có hệ thống về toàn cảnh phát triển của lĩnh vực đánh giá kết quả học tập trong giáo dục đại học. Để giải quyết những vấn đề đặt ra, bài báo áp dụng phương pháp phân tích trắc lượng thư mục nhằm tổng hợp và phân tích từ các công trình nghiên cứu hiện có trên cơ sở dữ liệu Scopus từ năm 1991 đến năm 2024 và xác định các xu hướng chính, các tác giả, quốc gia có ảnh hưởng, cũng như các chủ đề nổi bật trong lĩnh vực đánh giá kết quả học tập. Các câu hỏi nghiên cứu được xác định như sau: (1) Số lượng các công trình nghiên cứu liên quan đến đánh giá kết quả học tập trong giáo dục đại học đã phát triển như thế nào trong giai đoạn 1991-2024?;

(2) Những quốc gia nào có đóng góp nổi bật nhất trong lĩnh vực nghiên cứu này?; (3) Ai là những tác giả có nhiều công trình và có ảnh hưởng học thuật lớn trong lĩnh vực đánh giá kết quả học tập, xét theo số lượng công bố và chỉ số trích dẫn?; (4) Những từ khóa và chủ đề nghiên cứu nào xuất hiện thường xuyên nhất trong các công bố và chúng phản ánh xu hướng phát triển tri thức như thế nào?

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Bài báo sử dụng phương pháp phân tích trắc lượng thư mục (bibliometric analysis). Đây là phương pháp ngày càng được sử dụng rộng rãi trong các nghiên cứu tổng quan khoa học nhằm khám phá và phân tích khối lượng lớn dữ liệu khoa học, phát hiện các khuynh hướng nghiên cứu chính. Theo Donthu và cộng sự (2021), phân tích trắc lượng thư mục giải mã các sắc thái biến đổi của một lĩnh vực cụ thể, đồng thời làm sáng tỏ các xu hướng mới nổi trong lĩnh vực đó thông qua việc xử lý dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu học thuật uy tín như Scopus hoặc Web of Science. Phương pháp này cho phép nhà nghiên cứu đo lường sự hiện diện học thuật dựa trên các chỉ số như số lượng bài báo, trích dẫn, H-index, từ khóa và các mạng lưới hợp tác. Chain và cộng sự (2018) cũng nhấn mạnh rằng phương pháp này có khả năng phát hiện các “cụm tri thức” trong mạng lưới học thuật, từ đó hỗ trợ việc xây dựng “bản đồ tri thức” và xác định khoảng trống nghiên cứu tiềm năng.

2.1.1. Tìm kiếm dữ liệu

Đề thu thập dữ liệu phục vụ cho phân tích trắc lượng thư mục về đánh giá kết quả học tập trong giáo dục đại học, nghiên cứu đã tiến hành truy vấn cơ sở dữ liệu Scopus - một trong những nguồn dữ liệu học thuật toàn diện và uy tín nhất hiện nay. Truy vấn được thực hiện vào ngày 19/12/2024, với cú pháp tìm kiếm cụ thể như sau: “assessment” AND (“learning outcomes” OR “learning results”) AND (“higher education” OR “university”). Kết quả ban đầu thu được 4.343 tài liệu. Sau đó, các bộ lọc được áp dụng để đảm bảo mức độ liên quan và chất lượng của nguồn dữ liệu, bao gồm: chỉ chọn các bài báo khoa học (article) được công bố trên tạp chí học thuật (journal) thuộc lĩnh vực Khoa học xã hội (Social Sciences) và đa ngành (Multidisciplinary), có truy cập mở (Open Access) và viết bằng tiếng Anh. Sau khi áp dụng các tiêu chí lọc này, tập dữ liệu còn lại là 2.146 bài báo. Trong bước tiếp theo, tiêu đề của toàn bộ các bài báo được rà soát thủ công nhằm loại trừ những công trình không thực sự liên quan đến chủ đề đánh giá kết quả học tập trong bối cảnh giáo dục đại học. Qua đó, 1.008 bài báo được giữ lại để tiếp tục đánh giá chuyên sâu ở cấp độ tóm tắt. Sau quá trình sàng lọc nội dung tóm tắt, những bài báo có trọng tâm nghiên cứu phù hợp với mục tiêu phân tích đã được lựa chọn, và tập dữ liệu cuối cùng bao gồm 791 bài báo khoa học. Đây là cơ sở dữ liệu chính thức được sử dụng cho toàn bộ phân tích trắc lượng thư mục trong nghiên cứu này.

2.1.2. Phân tích dữ liệu

Sau khi hoàn tất quá trình thu thập và sàng lọc dữ liệu, nghiên cứu tiến hành phân tích trắc lượng thư mục với mục tiêu xác định các đặc điểm cấu trúc và xu hướng phát triển của lĩnh vực đánh giá kết quả học tập trong giáo dục đại học giai đoạn 1991-2024. Phương pháp này cho phép khai thác sâu các dữ liệu học thuật nhằm nhận diện các yếu tố quan trọng như: mức độ phát triển qua thời gian, sự phân bố địa lý của nghiên cứu, các tác giả có ảnh hưởng, cũng như các từ khóa và chủ đề nổi bật.

Dữ liệu từ 791 bài báo được xử lý và phân tích bằng cách kết hợp giữa phân tích định lượng thống kê mô tả và trực quan hóa mạng lưới. Đầu tiên, các chỉ số cơ bản như số lượng bài báo theo năm, quốc gia, tổ chức và tác giả được tổng hợp nhằm đánh giá xu hướng công bố và mức độ ảnh hưởng học thuật. Tiếp theo, nghiên cứu sử dụng phần mềm VOSviewer - một công cụ chuyên dụng trong trắc lượng thư mục - để xây dựng và phân tích các mạng lưới học thuật, bao gồm mạng lưới đồng tác giả (co-authorship analysis) cấp độ quốc gia và cấp độ công trình nghiên cứu; mạng lưới đồng xuất hiện từ khóa (co-occurrence analysis).

2.2. Xu hướng nghiên cứu về đánh giá kết quả học tập trong giáo dục đại học

2.2.1. Xu hướng công bố theo năm xuất bản

Biểu đồ 1 cho thấy một xu hướng gia tăng rõ rệt về số lượng công bố trong giai đoạn từ năm 1991-2024. Giai đoạn từ năm 1991 đến khoảng năm 2002 ghi nhận rất ít công trình, với số lượng bài viết dao động ở mức tối thiểu, chủ yếu từ 0 đến 1 bài mỗi năm. Từ năm 2003 trở đi, số lượng công bố bắt đầu tăng dần, đặc biệt từ năm 2008 (9 bài) đến năm 2012 (10 bài), cho thấy dấu hiệu ban đầu của sự quan tâm học thuật đối với chủ đề này. Giai đoạn 2013-2017 đánh dấu bước chuyển mình đáng kể khi số lượng bài viết tăng ổn định, từ 23 bài năm 2013 lên 24 bài năm 2017, phản ánh sự gia tăng của các nghiên cứu có hệ thống liên quan đến đánh giá năng lực, đổi mới phương pháp sư phạm và đảm bảo chất lượng giáo dục đại học. Từ năm 2018 trở đi, lĩnh vực này chứng kiến sự bùng nổ mạnh mẽ về số lượng công bố, với 38 bài vào năm 2018, tăng lên 57 bài năm 2019 và đạt đỉnh trong các năm gần

đây: 68 bài năm 2020, 84 bài năm 2021, 74 bài năm 2022, 118 bài năm 2023 và lên đến 134 bài trong năm 2024 - mức cao nhất trong toàn bộ giai đoạn nghiên cứu. Đường xu hướng cũng đã thể hiện dự kiến việc tăng lên về số lượng công bố về vấn đề này (biểu đồ 1).

Sự gia tăng nhanh chóng này có thể được lý giải bởi những thay đổi mang tính toàn cầu trong bối cảnh giáo dục đại học, bao gồm yêu cầu giảng dạy và đánh giá theo phát triển năng lực người học, quá trình chuyển đổi số trong giáo dục và các chính sách đảm bảo chất lượng giáo dục lấy người học làm trung tâm. Kết quả này cho thấy chủ đề đánh giá kết quả học tập không chỉ ngày càng thu hút sự quan tâm của giới học thuật mà còn phản ánh một xu thế nghiên cứu bền vững và đang phát triển mạnh mẽ trong giáo dục đại học đương đại.

2.2.2. Các quốc gia có nhiều bài nghiên cứu

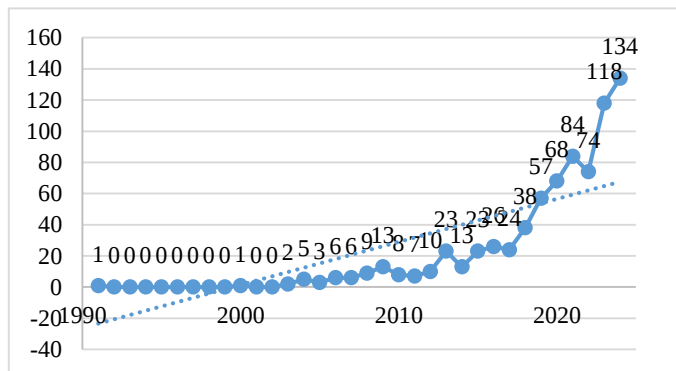
Phân tích trích lượng thư mục cho thấy sự phân bố đa dạng và ngày càng mở rộng của các quốc gia tham gia vào nghiên cứu về đánh giá kết quả học tập trong giáo dục đại học. Dẫn đầu là Hoa Kỳ với 156 công bố và 2.879 lượt trích dẫn, thể hiện vai trò trung tâm trong hệ sinh thái học thuật toàn cầu. Tiếp theo là Úc (101 công bố, 1.861 trích dẫn) và Vương quốc Anh (93 công bố, 1.740 trích dẫn), phản ánh sự phát triển mạnh mẽ và ổn định của các quốc gia nói tiếng Anh trong lĩnh vực này. Một số quốc gia châu Âu như Hà Lan (29 bài, 850 trích dẫn), Tây Ban Nha (40 bài, 436 trích dẫn) và Đức (34 bài, 712 trích dẫn) cũng cho thấy đóng góp đáng kể về mặt học thuật, đặc biệt trong việc phát triển mô hình đánh giá theo chuẩn đầu ra và rubrics.

Dữ liệu trực quan hóa từ VOSviewer (hình 1) cho thấy hệ thống hợp tác quốc tế trong lĩnh vực này được chia thành 06 cụm quốc gia, phản ánh đặc điểm khu vực hóa và mối liên hệ học thuật đặc thù. Cụm 1 bao gồm các quốc gia châu Âu và Bắc Mỹ như Canada, Hà Lan, Romania và Thụy Sĩ, cho thấy xu hướng hợp tác xuyên Đại Tây Dương. Cụm 2 đại diện cho sự gia tăng quan tâm từ các nước Bắc Âu và châu Á như Malaysia, Thụy Điển và các Tiểu vương quốc Ả Rập. Trong khi đó, cụm 3, gồm Úc, Anh, Singapore và Đan Mạch, nổi bật với mức độ kết nối và ảnh hưởng học thuật cao. Các cụm còn lại bao gồm các quốc gia mới nổi như Ấn Độ, Tây Ban Nha, Đức và Kazakhstan, cho thấy sự mở rộng dần của mạng lưới nghiên cứu. Tuy nhiên, sự kết nối nghiên cứu xuyên quốc gia của lĩnh vực này vẫn chưa ở mức độ cao.

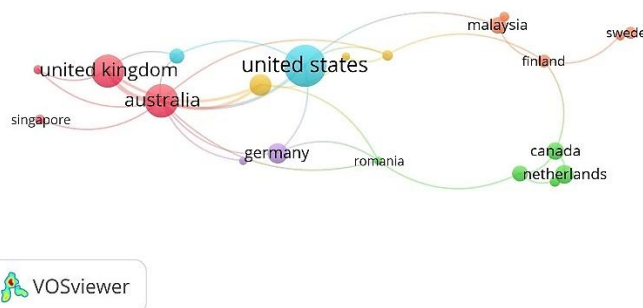
Một yếu tố quan trọng phản ánh tiềm năng và mức độ hội nhập quốc tế là chỉ số “Total Link Strength”, đại diện cho cường độ hợp tác học thuật giữa các quốc gia. Úc dẫn đầu với chỉ số 18, thể hiện năng lực kết nối rộng lớn. Anh xếp thứ hai với chỉ số 12, giữ vai trò như một trung tâm trung gian kết nối giữa các hệ thống giáo dục châu Âu, châu Á và các nước nói tiếng Anh. Dù có chỉ số liên kết là 7 nhưng Hoa Kỳ vẫn giữ vị thế dẫn đầu tuyệt đối về số lượng công bố và trích dẫn.

2.2.3. Các tác giả có nhiều nghiên cứu và được trích dẫn

Bảng 1 là dữ liệu về 15 tác giả có ảnh hưởng học thuật sâu rộng, dẫn dắt các xu hướng nghiên cứu về đánh giá kết quả học tập trong giáo dục đại học. Trong đó, Úc, Hoa Kỳ và châu Âu là những khu vực có nhiều học giả tiêu biểu nhất. Các tác giả này không chỉ có số lượng công trình lớn mà còn được cộng đồng học thuật quốc tế đánh giá cao thông qua các chỉ số trích dẫn và H-index. Sự phân bố học thuật này cho thấy mức độ hội nhập và mở rộng trong lĩnh vực nghiên cứu, đồng thời gợi mở tiềm năng hợp tác và phát triển tại các quốc gia mới nổi như Việt Nam.



Biểu đồ 1. Số bài nghiên cứu đánh giá kết quả học tập ở đại học theo năm (1991-2024)



Hình 1. Thống kê quốc gia có nhiều nghiên cứu về đánh giá kết quả học tập công bố trên Scopus

Bảng 1. 15 tác giả có nhiều nghiên cứu về đánh giá kết quả học tập

TT	Tác giả	Cơ quan	Quốc gia	Scopus H-index	Tổng lượt trích dẫn	Số lượng công trình
1	Boud, D.	University of Technology Sydney	Úc	66	12 652	259
2	Admiraal, W.	Centre for the Study of Professions	Na Uy	44	6 551	231
3	Ajjawi, R.	Deakin University	Úc	36	3 937	155
4	Hayes, A.	Victoria University Melbourne	Úc	35	3 219	134
5	Liu, O. L.	Educational Testing Service	Hoa Kỳ	34	2 292	78
6	Bearman, M.	Deakin University	Úc	34	3 066	168
7	Hryciw, D. H.	Griffith University	Úc	30	1 917	110
8	Haines, S. T.	American Association of Colleges of Pharmacy	Hoa Kỳ	23	2 099	117
9	Zlatkin-Troitschanskaia, O.	Johannes Gutenberg-Universität Mainz	Đức	20	805	113
10	Salinas-Navarro, D. E.	Universidad Panamericana	Mêhicô	13	507	42
11	Urbancová, H.	Vysoké Školy Ekonomie a Managementu	Séc	12	514	93
12	Lexis, L.	La Trobe University	Úc	9	295	30
13	Roohr, K. C.	Educational Testing Service	Hoa Kỳ	9	384	20
14	Hazaea, A. N.	Najran University	Ả Rập	8	225	22
15	Oanh, D. T. K.	Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh	Việt Nam	3	26	11

Phân tích dữ liệu từ Scopus và Google Scholar cho thấy một số tác giả giữ vai trò nổi bật trong lĩnh vực nghiên cứu đánh giá kết quả học tập. Dẫn đầu là Boud, D. (University of Technology Sydney, Úc) với 259 công trình và 12.652 lượt trích dẫn, cùng chỉ số H-index là 66 - đây là mức ảnh hưởng học thuật rất cao, cho thấy tầm vóc quốc tế của học giả này trong lĩnh vực đổi mới đánh giá và học tập ở đại học. Tiếp theo là Admiraal, W. (Centre for the Study of Professions, Na Uy) với 231 công trình và 6.551 trích dẫn, H-index đạt 44. Nghiên cứu của ông tập trung vào các phương pháp giảng dạy và đánh giá học tập hiệu quả. Liu, O. L. (Educational Testing Service) với H-index 34 và Haines, S. T. (American Association of Colleges of Pharmacy, H-index 23), đều có trên 2.000 lượt trích dẫn là những học giả có đóng góp lớn trong giới học thuật Hoa Kỳ về đánh giá chuẩn hóa và kết quả học tập trong bối cảnh đại học. Ngoài ra, Zlatkin-Troitschanskaia, O. (Đức) cũng gây chú ý với 113 công bố và H-index 20 và một số học giả đến từ các quốc gia ngoài OECD cũng có đóng góp, tiêu biểu là Salinas-Navarro, D. E. (Mêhicô), Urbancová, H. (Séc), Hazaea, A. N. (Ả Rập Xê Út), và Oanh, D. T. K. (Việt Nam). Dù có H-index và số trích dẫn khiêm tốn hơn, sự hiện diện của họ phản ánh xu hướng mở rộng của lĩnh vực nghiên cứu này tới các quốc gia đang phát triển, đồng thời cho thấy tiềm năng đóng góp học thuật từ các khu vực khác.

Úc nổi bật là quốc gia có nhiều học giả dẫn đầu trong lĩnh vực này, ngoài Boud, có thể kể đến Ajjawi, R. (Deakin University, H-index 36), Hayes, A. (Victoria University Melbourne, H-index 35), Bearman, M. (Deakin University, H-index 34), Hryciw, D. H. (Griffith University, H-index 30) và Lexis, L. (La Trobe University, H-index 9). Các học giả này đều sở hữu số lượng công bố và trích dẫn lớn góp phần đưa Úc trở thành trung tâm học thuật về nghiên cứu đánh giá trong giáo dục đại học.

2.2.4. Phân tích mạng lưới đồng xuất hiện của từ khóa

Dựa trên hình 2 là kết quả phân tích từ phần mềm VOSviewer, có thể nhận thấy mạng lưới từ khóa liên quan đến đánh giá kết quả học tập trong giáo dục đại học. Các từ khóa chính như “đánh giá”, “kết quả học tập”, “rubrics”, “năng lực”, “học tập tích cực”, “trí tuệ nhân tạo” và “đánh giá quá trình” nổi bật trong bối cảnh nghiên cứu này. Mạng lưới cho thấy sự tương tác giữa các chủ đề nghiên cứu khác nhau, phản ánh sự phức tạp và đa dạng của lĩnh vực đánh giá kết quả học tập. Những mối liên hệ giữa các từ khóa chỉ ra rằng nghiên cứu đang hướng tới việc tích hợp nhiều yếu tố, từ phương pháp đánh giá cho đến ứng dụng công nghệ trong giáo dục.

Phân tích khoa học về đồng trích dẫn từ khóa trong lĩnh vực đánh giá kết quả học tập trong giáo dục đại học, được trực quan hóa bằng phần mềm VOSviewer. Phân tích này chia thành 10 cụm chủ đề (clusters): quản lý học tập và đảm bảo chất lượng, đánh giá trải nghiệm và phương pháp học tích cực, thiết kế khóa học và đánh giá học tập SV, công nghệ và kiến thức thông tin trong đánh giá, động lực học tập và thiết kế chương trình đánh giá, đánh giá trong bối cảnh đại dịch và công nghệ số, đổi mới sáng tạo và trí tuệ nhân tạo trong đánh giá, đánh giá vì sự phát triển bền vững, đánh giá chương trình và thực hành giảng dạy, đánh giá hiệu lực và đảm bảo chất lượng. Phân tích đồng trích dẫn từ khóa cho thấy bức tranh đa chiều và phong phú của nghiên cứu về đánh giá kết quả học tập trong giáo dục đại học. Từ đánh giá hiệu suất học tập, giáo dục trải nghiệm, đến ứng dụng trí tuệ nhân tạo và phát triển bền vững, lĩnh

vực này đang dần chuyển mình từ cách tiếp cận truyền thống sang những mô hình đánh giá hiện đại, toàn diện và thích ứng với xu thế công nghệ và toàn cầu hóa.

Bên cạnh đó, dữ liệu này cũng giúp xác định những khoảng trống nghiên cứu. Chẳng hạn như (1) hiện vẫn thiếu các nghiên cứu tình huống sâu về quá trình thiết kế, triển khai và cải tiến công cụ đánh giá trong các bối cảnh giáo dục đại học cụ thể (theo ngành, trình độ, mô hình đào tạo...); (2) Việc ứng dụng và thử nghiệm các mô hình đánh giá tương thích với các triết lý giáo dục mới như: giáo dục khai phóng, học tập trải nghiệm, giáo dục năng lực, học tập tích hợp AI, giáo dục khai thác dữ liệu lớn...; (3) Chưa có khung hướng dẫn rõ ràng cho đánh giá trong môi trường số; (4) Chưa có nhiều nghiên cứu liên kết giữa đánh giá và phát triển năng lực thế kỷ XXI.

2.3. Thảo luận

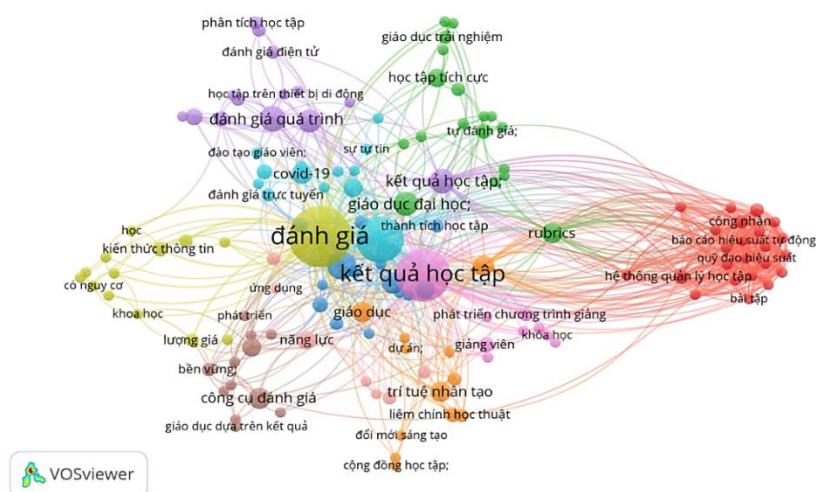
Xu hướng công bố theo năm xuất bản cho thấy sự gia tăng đáng kể trong nghiên cứu đánh giá kết quả học tập. Số liệu thống kê từ năm 1991-2024 cho thấy một xu hướng gia tăng rõ rệt về số lượng bài báo công bố, đặc biệt là từ năm 2018 trở đi, khi số lượng bài báo đạt đến đỉnh 134 bài. Sự gia tăng này có thể được lý giải bởi những thay đổi trong bối cảnh giáo dục đại học, bao gồm nhu cầu giảng dạy và đánh giá theo hướng phát triển năng lực cũng như quá trình chuyển đổi số trong giáo dục. Xu hướng này không chỉ phản ánh sự quan tâm của cộng đồng học thuật mà còn cho thấy một xu thế nghiên cứu bền vững và đang phát triển mạnh mẽ trong lĩnh vực đánh giá kết quả học tập.

Đánh giá kết quả học tập trong giáo dục đại học đã thu hút sự quan tâm từ nhiều quốc gia khác nhau. Phân tích dữ liệu cho thấy Hoa Kỳ có với số lượng công bố và trích dẫn cao nhất, theo sau là Úc và Vương quốc Anh. Các quốc gia châu Âu như Hà Lan, Tây Ban Nha và Đức cũng có những đóng góp đáng kể. Sự phân bố này cho thấy không chỉ sự phát triển mạnh mẽ ở các quốc gia nói tiếng Anh mà còn một sự mở rộng trong cộng đồng nghiên cứu quốc tế, với mối liên hệ giữa các quốc gia càng trở nên gắn kết hơn.

Vai trò của các tác giả có ảnh hưởng trong lĩnh vực đánh giá kết quả học tập là rất quan trọng. Kết quả phân tích cho thấy một số học giả nổi bật như Boud, D. và Admiraal, W. có nhiều đóng góp trong lĩnh vực này, không chỉ bởi số lượng công trình mà còn bởi độ ảnh hưởng của họ trong cộng đồng học thuật quốc tế. Sự phân bố học thuật này gợi mở tiềm năng hợp tác giữa các quốc gia và vùng lãnh thổ, đặc biệt là với các quốc gia mới nổi như Việt Nam, nơi vẫn còn tiềm năng lớn trong việc phát triển nghiên cứu đánh giá.

Phân tích mạng lưới đồng xuất hiện của từ khóa đã chỉ ra sự phong phú và đa dạng trong nghiên cứu đánh giá. Việc mô tả các cụm chủ đề trong mạng lưới cho thấy sự tích hợp của nhiều yếu tố như công nghệ, quản lý học tập, và đánh giá dựa trên năng lực. Các chủ đề này không chỉ phản ánh sự chuyển mình trong lĩnh vực đánh giá mà còn cho thấy hướng nghiên cứu hiện đại đang hướng đến việc tích hợp công nghệ trong giáo dục. Tuy nhiên, vẫn cần đề cập đến những khoảng trống nghiên cứu hiện có, chẳng hạn thiếu những nghiên cứu tình huống cụ thể, thiếu việc ứng dụng các mô hình đánh giá tương thích với các triết lý giáo dục mới, cũng như cần phát triển các khung đánh giá cụ thể cho môi trường học tập kỹ thuật số, nghiên cứu phát triển khung đạo đức và các mô hình đánh giá phù hợp trong kỷ nguyên AI.

Nhìn chung, kết quả phân tích chỉ ra rằng nghiên cứu về đánh giá kết quả học tập đang dần chuyển mình từ việc đo lường thành tích đơn thuần sang hệ sinh thái đánh giá đa chiều, nơi công nghệ, sự phản hồi, bối cảnh xã hội và nhu cầu người học cùng tương tác để tạo nên những mô hình đánh giá hiệu quả, bền vững và linh hoạt. Đây là tiền đề quan trọng cho việc xây dựng các hệ thống giáo dục đại học tiên tiến, thích ứng với các thách thức của kỷ nguyên chuyển đổi số và hội nhập toàn cầu.



Hình 2. Thống kê các từ khóa liên quan trực tiếp đến đánh giá kết quả học tập

3. Kết luận

Những nghiên cứu về đánh giá kết quả học tập trong giáo dục đại học đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả học tập và chất lượng giáo dục trong bối cảnh giáo dục theo tiếp cận năng lực. Bài báo đã phân tích xu hướng nghiên cứu về đánh giá kết quả học tập trong giáo dục đại học từ năm 1991-2024, chỉ ra rằng lĩnh vực này đang chứng kiến sự gia tăng mạnh mẽ về số lượng công bố, phản ánh sự quan tâm ngày càng lớn của cộng đồng học thuật. Sự hội nhập công nghệ vào quy trình đánh giá, cùng với các phương pháp hiện đại như đánh giá dựa trên trải nghiệm và trí tuệ nhân tạo, cho thấy xu hướng chuyển biến mạnh mẽ từ các mô hình truyền thống sang các phương thức lấy người học làm trung tâm. Tuy nhiên, vẫn tồn tại nhiều khoảng trống nghiên cứu, đặc biệt là trong việc ứng dụng công nghệ và phát triển các khung đánh giá phù hợp với bối cảnh giáo dục hiện đại. Do đó, việc mở rộng nghiên cứu về các mô hình đánh giá tương thích với môi trường học tập số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo, đồng thời xem xét vai trò của các yếu tố đạo đức trong quá trình đánh giá, nhằm đảm bảo tính minh bạch và hiệu quả trong giáo dục hiện đại sẽ góp phần đảm bảo đánh giá kết quả học tập đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của giáo dục đại học. Kết quả nghiên cứu không chỉ góp phần định hình chính sách giáo dục mà còn hỗ trợ các nhà quản lý và GV trong việc cải tiến quy trình đánh giá, từ đó nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập trong tương lai.

Tài liệu tham khảo

- Ajjawi, R., Tai, J., Dollinger, M., Dawson, P., Boud, D., & Bearman, M. (2023). From authentic assessment to authenticity in assessment: broadening perspectives. *Assessment & Evaluation in Higher Education*, 49(4), 499-510.
- Boud, D. (2020). Challenges in reforming higher education assessment: A perspective from afar. *RELIEVE - Revista Electronica de Investigacion y Evaluacion Educativa*, 26(1), 1-14. <https://doi.org/10.7203/relieve.26.1.17088>
- Chain, C. P., Santos, A. C. D., De Castro, L. G., & Prado, J. W. D. (2018). Bibliometric analysis of the quantitative methods applied to the measurement of industrial clusters. *Journal of Economic Surveys*, 33(1), 60-84.
- Donthu, N., Kumar, S., Mukherjee, D., Pandey, N., & Lim, W. M. (2021). How to conduct a bibliometric analysis: An overview and guidelines. *Journal of Business Research*, 133, 285-296.
- Fischer, J., Bearman, M., Boud, D., & Tai, J. (2024). How does assessment drive learning? A focus on students' development of evaluative judgement. *Assessment and Evaluation in Higher Education*, 49(2), 233-245.
- Grossecck, G., Bran, R. A., & Țiru, L. G. (2024). Digital Assessment: A Survey of Romanian Higher Education Teachers' Practices and Needs. *Education Sciences*, 14(1). <https://doi.org/10.3390/educsci14010032>
- Hooda, M., Rana, C., Dahiya, O., Rizwan, A., & Hossain, M. S. (2022). Artificial Intelligence for Assessment and Feedback to Enhance Student Success in Higher Education. *Mathematical Problems in Engineering*, 2022, 1-19.
- Liu, O. L. (2008). Measuring learning outcomes in higher education using the measure of academic proficiency and progress (MAPP). *ETS Research Report Series*, 2008(2), i-20.
- Liu, O. L., Roohr, K. C., & Rios, J. A. (2018). Assessing Civic and Intercultural Competency in Higher Education: The ETS HEIghten® Approach. *ETS Research Report Series*, 2018(1), 1-18. <https://doi.org/10.1002/ets2.12212>
- Lockman, K., Haines, S. T., & McPherson, M. L. (2017). Improved Learning Outcomes After Flipping a Therapeutics Module: Results of a Controlled Trial. *Academic Medicine*, 92(12), 1786-1793.
- Oanh, D. T. K. (2019). Integrating competence-based assessment into instruction pedagogical subjects for developing core competences of technical and vocational education students at Ho Chi Minh city University of technology and education. *Universal Journal of Educational Research*, 7(10), 2045-2056.
- Steeb, D. R., Miller, M. L., Schellhase, E. M., Malhotra, J. V., McLaughlin, J. E., Dascanio, S. A., & Haines, S. T. (2020). Global health learning outcomes by country location and duration for international experiences. *American Journal of Pharmaceutical Education*, 84(5), 582-591. <https://doi.org/10.5688/ajpe7682>
- Timmis, S., Broadfoot, P., Sutherland, R., & Oldfield, A. (2016). Rethinking assessment in a digital age: opportunities, challenges and risks. *British Educational Research Journal*, 42(3), 454-476.
- Van den Berg, I., Admiraal, W., & Pilot, A. (2006). Design principles and outcomes of peer assessment in higher education. *Studies in Higher Education*, 31(03), 341-356. <https://doi.org/10.1080/03075070600680836>
- Wei, X., Saab, N., & Admiraal, W. (2021). Assessment of cognitive, behavioral, and affective learning outcomes in massive open online courses: A systematic literature review. *Computers and Education*, 163, 104097.
- Zlatkin-Troitschanskaia, O., Pant, H. A., Toepper, M., Lautenbach, C., & Molerov, D. (2017). Valid Competency Assessment in Higher Education: Framework, Results, and Further Perspectives of the German Research Program KoKoHs. *AERA Open*, 3(1). <https://doi.org/10.1177/2332858416686739>